

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	MỨC ĐỘ	CƠ QUAN GIẢI QUYẾT
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP (CẤP TỈNH)					
1	1	2.001610	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Toàn trình	Sở Tài chính
2	2	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Toàn trình	Sở Tài chính
3	3	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Toàn trình	Sở Tài chính
4	4	2.002043	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Toàn trình	Sở Tài chính
5	5	2.002042	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Toàn trình	Sở Tài chính
6	6	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Toàn trình	Sở Tài chính
7	7	1.005169	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Toàn trình	Sở Tài chính
8	8	2.002011	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Toàn trình	Sở Tài chính
9	9	2.002010	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Toàn trình	Sở Tài chính
10	10	2.002009	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Toàn trình	Sở Tài chính
11	11	2.002008	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Toàn trình	Sở Tài chính
12	12	1.005114	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Toàn trình	Sở Tài chính
13	13	2.002000	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Toàn trình	Sở Tài chính
14	14	2.001996	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư	Toàn trình	Sở Tài chính

			nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
15	15	2.001993	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Toàn trình	Sở Tài chính
16	16	2.002044	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	Toàn trình	Sở Tài chính
17	17	2.001992	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Toàn trình	Sở Tài chính
18	18	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Toàn trình	Sở Tài chính
19	19	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Toàn trình	Sở Tài chính
20	20	2.002070	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Toàn trình	Sở Tài chính
21	21	2.002031	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Toàn trình	Sở Tài chính
22	22	2.002075	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở	Toàn trình	Sở Tài chính

			chính		
23	23	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Toàn trình	Sở Tài chính
24	24	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Toàn trình	Sở Tài chính
25	25	1.005176	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Toàn trình	Sở Tài chính
26	26	1.010026	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	Toàn trình	Sở Tài chính
27	27	2.002085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Toàn trình	Sở Tài chính
28	28	2.002083	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Toàn trình	Sở Tài chính
29	29	2.002059	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Toàn trình	Sở Tài chính
30	30	2.002060	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Toàn trình	Sở Tài chính
31	31	2.002057	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Toàn trình	Sở Tài chính
32	32	2.002034	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược	Toàn trình	Sở Tài chính

			lại		
33	33	2.002032	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Toàn trình	Sở Tài chính
34	34	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Toàn trình	Sở Tài chính
35	35	1.010027	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Toàn trình	Sở Tài chính
36	36	2.002018	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Toàn trình	Sở Tài chính
37	37	2.002017	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Toàn trình	Sở Tài chính
38	38	2.002015	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Toàn trình	Sở Tài chính
39	39	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Toàn trình	Sở Tài chính
40	40	2.002023	Giải thể doanh nghiệp	Toàn trình	Sở Tài chính
41	41	2.002022	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Toàn trình	Sở Tài chính
42	42	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Toàn trình	Sở Tài chính
43	43	2.002016	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Toàn trình	Sở Tài chính
44	44	2.000368	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Toàn trình	Sở Tài chính
45	45	2.000416	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Toàn trình	Sở Tài chính
46	46	2.000375	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Toàn trình	Sở Tài chính
47	47	1.010029	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Toàn trình	Sở Tài chính

48	48	1.010030	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	Toàn trình	Sở Tài chính
49	49	1.010031	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	Toàn trình	Sở Tài chính
50	50	1.010010	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Toàn trình	Sở Tài chính
51	51	1.010023	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Toàn trình	Sở Tài chính
II. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (CẤP TỈNH)					
52	1	1.009646	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Toàn trình	- UBND tỉnh; - Sở Tài chính.
53	2	1.009664	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Toàn trình	- UBND tỉnh; - Sở Tài chính.
54	3	1.009645	Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Toàn trình	- UBND tỉnh; - Sở Tài chính.
55	4	1.009642	Chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Toàn trình	- UBND tỉnh; - Sở Tài chính.
56	5	1.009657	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Toàn trình	Sở Tài chính.
57	6	1.009656	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Toàn trình	- UBND tỉnh; - Sở Tài chính.
58	7	1.009653	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập,	Toàn trình	- UBND tỉnh;

			chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		- Sở Tài chính.
59	8	1.009652	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Toàn trình	- UBND tỉnh; - Sở Tài chính.
60	9	1.009647	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Toàn trình	- UBND tỉnh; - Sở Tài chính.
61	10	1.009649	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Toàn trình	- UBND tỉnh; - Sở Tài chính.
62	11	1.009650	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Toàn trình	- UBND tỉnh; - Sở Tài chính.
63	12	1.009654	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Toàn trình	- UBND tỉnh; - Sở Tài chính.
64	13	1.009644	Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Toàn trình	Sở Tài chính
65	14	1.009659	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Toàn trình	- UBND tỉnh; - Sở Tài chính.
66	15	1.009731	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Toàn trình	Sở Tài chính
67	16	1.009729	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	Toàn trình	Sở Tài chính
68	17	1.009655	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Toàn trình	Sở Tài chính
69	18	1.009661	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận	Toàn trình	Sở Tài chính

			chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
70	19	1.009662	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Toàn trình	Sở Tài chính
71	20	1.009665	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Toàn trình	Sở Tài chính
72	21	1.009671	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Toàn trình	Sở Tài chính
73	22	1.009736	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Toàn trình	Sở Tài chính

III. LĨNH VỰC CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY NHÀ NƯỚC ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THÀNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THEO QUY ĐỊNH TẠI LUẬT DOANH NGHIỆP (CẤP TỈNH)

74	1	2.002665	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Toàn trình	Sở Tài chính
75	2	2.002666	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV	Toàn trình	Sở Tài chính
76	3	2.002667	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	Toàn trình	Sở Tài chính

IV. LĨNH VỰC TÍN HỌC-THỐNG KÊ (CẤP TỈNH)

77	1	2.002206	Thủ tục Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ ngân sách	Toàn trình	Sở Tài chính
----	---	----------	---	------------	--------------

V. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH (CẤP HUYỆN)

78	1	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
79	2	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố

80	3	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
81	4	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
82	5	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố

VI. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (CẤP HUYỆN)

83	1	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
84	2	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
85	3	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
86	4	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
87	5	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
88	6	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố

					xã, thành phố
89	7	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
90	8	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
91	9	2.001973	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
92	10	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
93	11	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
94	12	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
95	13	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
96	14	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
97	15	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị

					xã, thành phố
98	16	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
99	17	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
100	18	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
101	19	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
102	20	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
103	21	2.002644	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
104	22	2.002645	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
105	23	2.002646	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
106	24	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
107	25	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã,	Toàn trình	Phòng TC-KH

			liên hiệp hợp tác xã		các huyện, thị xã, thành phố
108	26	2.002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình	Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
VII. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC (CẤP XÃ)					
109	1	2.002226	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Toàn trình	UBND cấp xã
110	2	2.002227	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	Toàn trình	UBND cấp xã
111	3	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Toàn trình	UBND cấp xã
VIII. LĨNH VỰC HỖ TRỢ TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (01 TTHC)					
112	1	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình	UBND cấp xã

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	MỨC ĐỘ	CƠ QUAN GIẢI QUYẾT
I. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ (CẤP TỈNH)				
113	1	2.002664	Công bố thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	Một phần Sở Tài chính
114	2	2.002603	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	Một phần Sở Tài chính
II. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (CẤP TỈNH)				
115	1	1.009491	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Một phần Sở Tài chính
116	2	1.009492	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Một phần Sở Tài chính
117	3	1.009493	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Một phần Sở Tài chính
118	4	1.009494	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Một phần Sở Tài chính
III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ (CẤP TỈNH)				
119	1	1.012744	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Một phần Sở Tài chính
120	2	1.012735	Hiệp thương giá	Một phần Sở Tài chính
IV. QUẢN LÝ CÔNG SẢN (CẤP TỈNH)				
121	1	1.011769	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	Một phần Sở Tài chính

122	2	3.000325	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Một phần	Sở Tài chính
123	3	1.006221	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	Một phần	Sở Tài chính
124	4	1.006222	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	Một phần	Sở Tài chính
125	5	3.000256	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	Một phần	Sở Tài chính
126	6	3.000257	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	Một phần	Sở Tài chính
127	7	3.000291	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	Một phần	Sở Tài chính
128	8	3.000410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	Một phần	Sở Tài chính
V. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI (CẤP HUYỆN)					
129	1	1.012994	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Một phần	UBND cấp huyện, thị xã, thành phố
130	2	1.012995	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Một phần	UBND cấp huyện, thị xã, thành phố
131	3	1.012996	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Một phần	UBND cấp huyện, thị xã, thành phố